TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Lành

Ông Đặng Văn Chiểu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên toà:* Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Phước Thọ, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Phước Thọ, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

(*Anh Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Phạm Thị Thu Th vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Phạm Thị Thu Th kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay anh nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, việc sống chung chỉ làm cho vợ chồng anh chị căng thẳng thêm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Th.

- *Về con chung*: Quá trình sống chung, vợ chồng anh có 02 con chung là

Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh ngày 19/10/2017 và Nguyễn Tấn Phong, sinh ngày 17/12/2011. Khi ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 người con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Phạm Thị Thu Th: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị Th không đến Tòa án tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, anh T và chị Th chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh T và chị Th. Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh ngày 19/10/2017 và Nguyễn Tấn Phong, sinh ngày 17/12/2011, hiện do anh T nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tú Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định đều không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thành T yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Thu Th, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị Thu Th cư trú tại ấp Phước Thọ, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Phạm Thị Thu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Thu Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th tự nguyện sống chung từ năm 2007 và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân gần 03 năm nay.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*"

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*"

Xét thấy: Anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị Thu Th có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh T, chị Th là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nay anh T yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận anh T và chị Th là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh ngày 19/10/2017 và Nguyễn Tấn Phong, sinh ngày 17/12/2011, hiện 02 cháu đều sống cùng với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu giao 02 cháu cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, anh T có thu nhập ổn định, cháu Phương và cháu Phong hiện đang sống chung với anh T. Việc cháu Phương và cháu Phong tiếp tục cuộc sống với anh T từ trước đến nay vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Phương và cháu Phong. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Phương và cháu Phong cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn

bộ.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Thành T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị Thu Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh ngày 19/10/2017 và Nguyễn Tấn Phong, sinh ngày 17/12/2011 cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị Thanh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005509 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã PL;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm